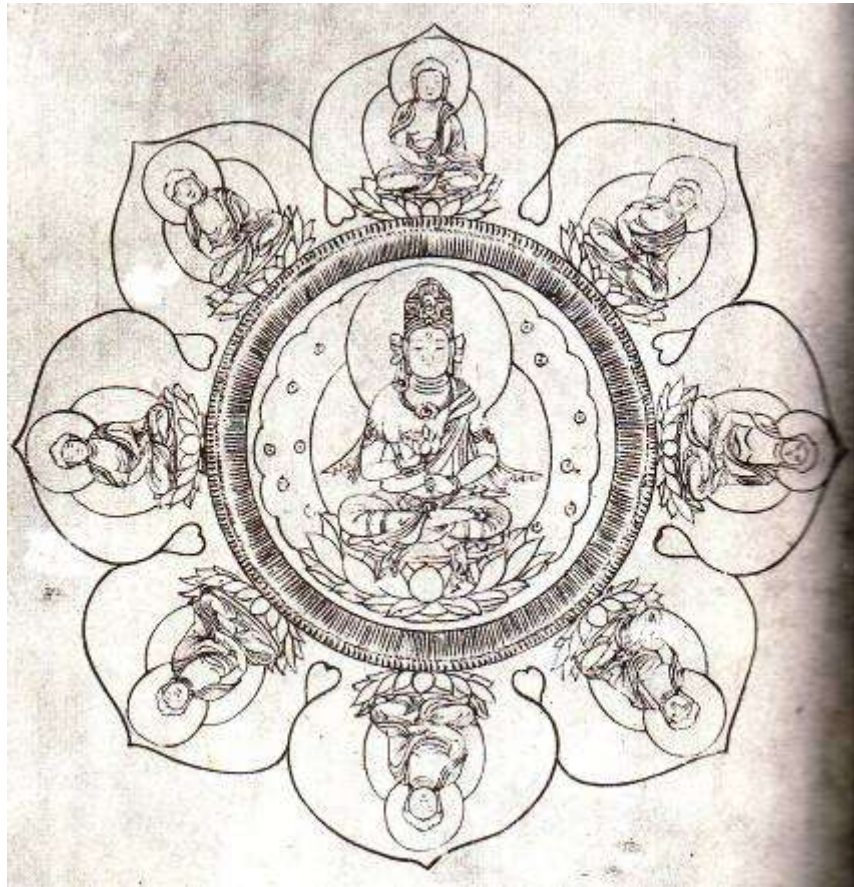


CỬU PHẨM VÃNG SINH A DI ĐÀ TÔN

Ở chính giữa đài hoa sen tám cánh, an Đức Phật A Di Đà của Thượng Phẩm Thượng Sinh. Tám cánh sen vây chung quanh, an Đức A Di Đà của tám phẩm.



Do Đức Phật A Di Đà có chữ chủng tử là HRĪḤ (𑖦𑖯) biểu thị cho sự chứng đạt Pháp Giới thanh tịnh, cho nên các vị Đạo Sư Mật Giáo dùng 9 chữ thay thế cho 9 Đức Phật A Di Đà này tạo thành Mạn Đà La minh họa cho sự chứng đạt 9 phẩm vãng sinh





Về ý nghĩa của chữ HRĪḤ thì **Đại Lạc Kim Cương Bất Không Chân Thật Tam Muội Gia Kinh, Bát Nhã Ba La Mật Đa Lý Thú Thích**, có ghi là:

Chữ HRĪḤ (𑖀𑖃𑖥𑖦) gồm đủ 4 chữ H, R, Ī, Ḥ mà thành một câu Chân Ngôn, trong đó:

H tức HA (𑖀) chỉ hết thấy NHÂN chẳng thể đắc.

R tức RA (𑖃) chỉ hết thấy Pháp chẳng lìa bụi dơ.

Ī (𑖥) tức Tự Tại chẳng thể đắc.

Ḥ (𑖦) với ý nghĩa 2 chấm bên cạnh là chữ AH (𑖦𑖃) tức các Nghiệp chẳng sinh, biểu thị cho Niết Bàn.



Như vậy, HRĪḤ có nghĩa là: “Do Giác ngộ được các Pháp xưa nay không sinh (bản lai bất sinh) nên 02 loại chấp trước (Năng thủ và Sở Thủ) được loại trừ, chứng được Pháp Giới thanh tịnh”.

.)**Lý Thú Thích** lại nói rằng: “Chữ HRĪḤ cũng có nghĩa là xấu hổ. Nếu có đủ hổ thẹn thì không làm việc Bất Thiện, tức là đầy đủ hết thấy các Pháp Vô Lậu. Cho nên **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) cũng gọi là **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya). Do sự gia trì này nên ở Thế giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī) nước, chim, cây, rừng ... đều diễn **Pháp âm** (Dharma-svara). Nếu ai trì một chữ Chân Ngôn này, có thể trừ hết thấy tai họa bệnh tật. Sau khi mệnh chung sẽ vãng sinh quốc độ An Lạc, Thượng Phẩm Thượng Sinh.

.)Theo **Kim Cương Giới Hiện Đồ Sao Tư** thì:

Chữ HRĪḤ này do 04 chữ HA, RA, Ī, AḤ tạo thành, chỉ cho 04 đức ở 04 phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trong đó:

HA là Nhân nghiệp

RA là Trần cấu (bụi dơ)

Ī là tai họa

AḤ là dương thể phàm phu làm rõ viễn ly.

Như vậy, HRĪḤ là: “Toàn thể phàm phu có nghĩa là viễn ly, thanh tịnh, không có bụi dơ (vô trần cấu)”

.)Theo một quan điểm khác thì chữ HRĪḤ được hợp thành bởi 04 chữ HA, RA, Ī, AḤ, trong đó:

HA biểu thị cho sự si mê (Moha)

RA biểu thị cho sự tham lam (Rāga)

Ī biểu thị cho sự sân hận (Dveṣa)

AḤ biểu thị cho sự chuyên nhập Niết bàn (Nirvāṇa)

Do đó, HRĪḤ biểu thị cho sự mau chóng lìa các bụi dơ tham, sân, si chứng được 04 đức thanh tịnh là: **Ái Nhiễm thanh tịnh** (Rāga viśuddha), **Sân thanh tịnh** (Dveṣa viśuddha), **Uế thanh tịnh** (Mala viśuddha), **Tội thanh tịnh** (Pāpa viśuddha). Quan điểm này đã minh họa được mật hiệu của Đức Phật A Di Đà là **Thanh Tịnh Kim Cương** (Viśuddha-vajra).

.)Trong Man Đa La Ngũ Trí Như Lai của Mật giáo Tây Tạng thì HRĪḤ biểu thị cho **Hỏa Đại** (Tejah) và **Tướng Uẩn** (Samjñā-skandha) nhằm minh họa cho sự quán tưởng phân biệt với đỉnh cao là thấy biết nội tâm một cách rõ ràng không ngăn ngại. Năng khiếu nội quán trực giác với trí phân tích cùng tột này chính là **Diệu Quán Sát Trí** và dạng Thần Cách Hóa của chữ HRĪḤ này chính là Đức Phật A Di Đà ngồi trên lưng con công tỏa ánh sáng chói màu hồng đỏ với câu chú xưng tán Ngài là : **“Om–Amitābha – Hrīḥ”** nghĩa là “Quy mệnh Đức Vô Lượng Quang – Hrīḥ”.

Chín Phẩm vãng sinh trên còn gọi là **Cửu Phẩm Tịnh Thức Chân Như Cảnh**. Nội tọa (chỗ ngồi bên trong) đây có **12 Đại Man Đà La** (Dvadaśa-mahā-maṇḍala) là **Chân Tượng** (Hình tượng chân thật) của Đại Viên Cảnh Trí. Tên các Chân Tượng ấy là :

1) Nhất Thiết Tam Đạt **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha), chữ chung tử là A (𑖀)



2) Biến Giác Tam Minh **Vô Biên Quang Phật** (Ananta-prabhāsa), chữ chung tử là Ā (𑖁)



3) Chí Đạo Tam Minh **Vô Ngại Quang Phật** (Apratihata-raśmirāga-prabha), chữ chung tử là AM (𑖂)



4) Lục Chân Lý Trí Quang Minh **Vô Đối Quang Phật** (Asamāpta-prabha), chữ chủng tử là AH (𑖀)



5) Sắc Thiện Tam Minh **Diễm Vương Quang Phật** (Prabhā-sikhotsrṣṭaprabha), chữ chủng tử là MA (𑖓)



6) Nhất Thiết Tam Minh **Thanh Tịnh Quang Phật** (Śuddha-prabha), chữ chủng tử là MĀ (𑖕)



7) Phổ Môn Tam Minh **Hoan Hỷ Quang Phật** (Pramudita-prabha), chữ chủng tử là MAM (𑖓)



8) Nhập Tuệ Tam Minh **Trí Tuệ Quang Phật** (Prajñā-prabha), chữ chủng tử là MAḤ (𑖓ᑦ)



9) Quang Sắc Tam Minh **Bất Đoạn Quang Phật** (Nibandhanīya-prabha), chữ chủng tử là TA (𑖔)



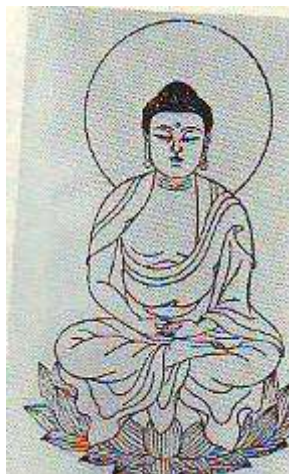
10) Minh Đạt Tam Minh **Nan Tư Quang Phật** (𑖅𑖟𑖛𑖞), chữ chung tử là TĀ (𑖅)



11) Ngũ Đức Tam Minh **Vô Xứng Quang Phật** (Ayaśas-prabha), chữ chung tử là TAM (𑖅)



12) Trí Lực Tam Minh **Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật** (Abhibhūya-candra-sūrya-prabha), chữ chung tử là TAḤ (𑖅)



Chư Phật Như Lai như vậy là chân sắc cụ túc (Đầy đủ sắc tướng chân thật) là nơi y cứ của **tướng BI** (Kāraṇa-lakṣaṇa) của tất cả Như Lai ba đời.

Như vậy, nếu có chúng sinh muốn sinh về **Tịnh Thổ Cửu Phẩm** (9 phẩm của cõi Cực Lạc) như vậy thì nên tôn phụng xem xét 12 **Viên Diệu** ấy. Ngày đêm ba thời xưng danh Cửu Phẩm Tịnh Thổ như vậy, tán thán hiệu của 12 vị **Quang Phật** tức vĩnh viễn ra khỏi nhà lửa của Tam Giới, quyết định sinh **Chân Như** (Bhūta-tathatā), xa lìa **Hữu Lộ** (Sāsrava), nhập hẳn vào **Vô Lộ** (Anāsrava).

A Di Đà Cửu Phẩm Mạn Trà La (vẽ theo Biệt Tôn Tọa Ký)

A Di Đà Cửu Phẩm Mạn Trà La là một loại **Tịnh Thổ Mạn Trà La**. Ở hình vuông bên trong an Đức Phật A Di Đà của Thượng Phẩm Thượng Sinh, chung quanh, an Đức A Di Đà của tám phẩm. Ở hình vuông thứ hai an 12 vị **Quang Phật**



Truyền thống khác ghi nhận A Di Đà Cửu Phẩm Mạn Trà La là: Ở chính giữa đài sen tám cánh an Đức Phật A Di Đà của **Thượng Phẩm Thượng Sinh** biểu thị cho **Pháp Giới Thể Tính Trí** của **Phổ Môn Vạn Đức**, tám cánh sen vây chung quanh an Đức A Di Đà của tám phẩm. Bốn góc của Nội Viện an 4 vị Bồ Tát: **Pháp** (Quán Âm biểu thị cho **Đại Viên Cảnh Trí**), **Lợi** (Văn Thù biểu thị cho **Bình Đẳng Tính Trí**), **Nhân** (Di Lặc biểu thị cho **Diệu Quán Sát Trí**), **Ngũ** (Duy Ma Cật biểu thị cho **Thành Sở Tác Trí**). Viện thứ hai an 12 **Quang Phật**, **bốn Nhiếp** (Câu, sách, Tỏa, Linh), **Ngoại Tứ Cúng** (Hương, Hoa, Đăng, Đồ). Viện thứ ba an **24 vị Bồ Tát**

_Nếu có người muốn vào **cảnh Tam Ma Địa** như vậy, được đầy đủ : Phật Tuệ, Tâm Tịch Tĩnh, Thân Thanh Tịnh thì nên quán niệm **Đại Tam Ma Gia Thật Tướng Chân Ngôn**.

Chú là :

ॐ ऋमृता तेजे हारा हूं

*)OM _AMṚTA TEJE HARA _HŪM



Chân Ngôn Phạm Chú như vậy là vị trí thuộc **Lý Trí cứu cánh** của tất cả chư Phật Như Lai ba đời ở 10 phương, là căn bản của 12 KHÔNG NGUYÊN .

Người thọ trì đọc tụng sẽ tăng trưởng Phước Lạc, tăng ích Trí Tuệ Biện Tài, tăng trưởng Thọ Mệnh Sắc Lực, tiêu diệt nghiệp chướng, tiêu diệt vạn bệnh, tăng trưởng BI ÁI, không có gì không đầy đủ Sắc Thiện. Huống chi chí Tâm viết chép, đọc tụng sẽ độ cho ba đời không còn sinh biến trong nhà lửa Tam Giới. Công năng tụng niệm làm cho Hành Giả vắng sinh về Tĩnh Thổ Cửu Phẩm của Cực Lạc Giới Hội.

_**Đại Tam Ma Gia Thật Tướng Chân Ngôn** còn có tên gọi là **A Di Đà Tâm Chú** hay **Vô Lượng Thọ Như Lai Tâm Chân Ngôn**

.)Ý nghĩa căn bản của Tâm Chú này là:

ॐ ऋमृता तेजे हारा हूं

Oṃ Amṛta teje hara hūm

OM _AMṚTA TEJE HARA HŪM

OM: Thân khẩu ý

AMṚTA: Cam Lộ bất tử

TEJE: Uy Quang

HARA: Thân nhiếp

HŪM: Thành tựu mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn

Toàn bài Chú trên có thể diễn dịch là:

“Thân khẩu ý hãy thân nhiếp ánh sáng uy đức của Cam Lộ Bất Tử mà thành tựu tự tính an vui vắng lặng của Đại Niết Bàn”

.)Một số vị Đạo Sư Mật Giáo giải thích ý nghĩa của Tâm Chú này như sau:

OM: Ba thân, Quy Mệnh

AMṚTA: nghĩa là Cam Lộ biểu thị cho Đại Bi của Đức Phật A Di Đà

TEJE: có sáu nghĩa

1_ Uy Đức tức đầy đủ uy đức của 6 Ba La Mật

2_ Uy Quang, tức đầy đủ ánh sáng chiếu khắp

3_ Uy Thân, tức đầy đủ Thân Cảnh Thân Thông

4_ Uy Lực, tức đầy đủ Đại Lực

5_ Uy Mãnh tức đầy đủ Đức mau diệt oan gia

6_ Đại Uy Nộ, tức đầy đủ sự giận dữ nhập vào Địa của Bồ Tát

HARA: nghĩa là **tác nghiệp**, có 6 nghĩa

1_ Làm Phật, tức được Tâm làm Phật như vậy lâu xa đến **Thử Giác**

2_ Tác Nghiệp, tức đi đến nghinh đón, tiếp dẫn không có gián đoạn

3_ Tác dụng, tức là Thần Lực tự tại

4_ Tác niệm, tức là nghinh đón chúng sinh có mười niệm

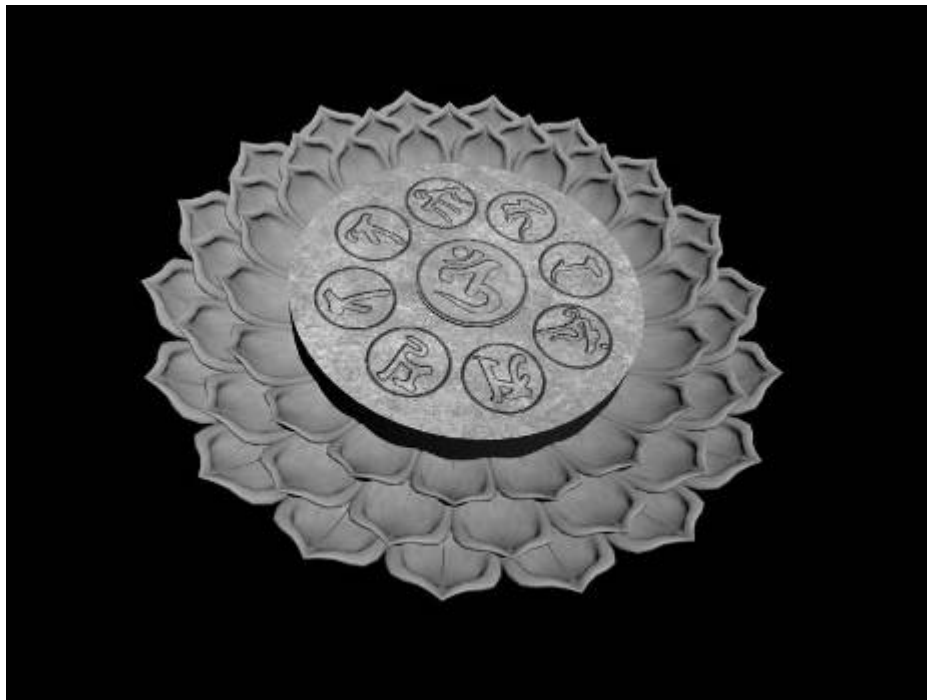
5_ Tác Định, tức là nhập vào **Diệu Quán Sát Trí Tam Ma Địa Định**

6_ Tác Nguyên, tức là phát 48 Đại Nguyên

HŪM: nghĩa là phát Tâm Bồ Đề khùng bố các Ma chướng, thành tựu cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân

Chân Ngôn này hay tụng đủ mười vạn biến thì được thấy Đức A Di Đà Như Lai, sau khi chết quyết định được sinh về Thế Giới Cực Lạc

_ **A Di Đà Phật Đại Tam Muội Gia Thật Tướng Chân Ngôn** còn được minh họa qua **Man Đa La** (Maṇḍala) là:



唵 列里不 不不不 不不不

Om_ Amṛta teje hara hūm

1_ A DI ĐÀ Phật:

A Di Đà Phật, dịch ý là **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha) hoặc **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha), là vị giáo chủ của Thế Giới Cực Lạc (Sukhavatī) ở phương Tây.

A Di Đà Phật được phối trí với chữ **OM** (ॐ) ở phương trung ương biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đắc được Quả Đức tự chứng nên còn gọi là **Chứng Bồ Đề**, đại biểu cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyển, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là **Ứng Hóa Pháp Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phàm Phu.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो भगवते अमिताभया तथगतया ॐ

Namo bhagavate amitābhāya tathāgatāya_ Om

2_HƯ KHÔNG TẠNG Bồ Tát

Hư Không Tạng Bồ Tát tên Phạn là **Ākāśa-garbha** dịch âm là A Ca Xả Nghiệt Bà hay **Gagana-gaṅja** dịch âm là Nga Nga Năng Ngạn Bà. Tức đầy đủ hai kho tàng Phước Trí không có hạn lượng ngang bằng với hư không; ý là rộng lớn vô biên. Lại xưng là Hư Không Dựng Bồ Tát.

Tôn này hay tuôn ra Pháp Bảo vô lượng ban cho khắp điều ước muốn, làm lợi lạc cho chúng sinh.

Hư Không Tạng Bồ Tát được phối trí với chữ A (𑖀) ở phương Đông biểu thị cho **Phước Trí Trang Nghiêm** hay sinh ra Trí Nội Chứng và Phước Đức Nội Chứng của 10 Ba La Mật



Chân Ngôn là:

𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀

Oṃ namo ākāśa-garbhāya_ A

3_ PHỔ HIỀN Bồ Tát

Phổ Hiền (Samanta-bhadra) đại biểu cho Hạnh Bồ Tát rộng lớn. Khi một cá nhân thực hiện viên mãn Hạnh Bồ Tát thì gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Còn viên mãn quả vị của Phổ Hiền Bồ Tát tức là Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Chúng sinh đang đợi đầy đủ Nhân của Phổ Hiền, đây tức là Tính của Tỳ Lô Giá Na Phật

Phổ Hiền Bồ Tát được phối trí với chữ **MR** (𑖓) ở góc Đông Nam biểu thị cho Hạnh Thâm Nhập Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn Tịnh Tâm Bồ Đề



Chân Ngôn là:

ॐ नम समंभद्राय म्र

Oṃ namo samanta-bhadrāya _ MR

4_KIM CƯƠNG THỦ BỒ TÁT

Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-satva. Lại xưng là Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ, Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ, Trì Kim Cương Cự Tuệ Giả, Kim Cương Thượng Thủ, Đại Lạc Kim Cương, Tô La Đa Kim Cương, Nhất Thiết Như Lai Phổ Hiền, Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Kim Cương Bồ Tát, Kim Cương Thắng Bồ Tát, Kim Cương Tạng, Chấp Kim Cương, Bí Mật Chủ,

Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva) tượng trưng cho tâm Bồ Đề bền chắc chẳng hoại và ý nghĩa **phiền não tức Bồ Đề**. Tôn này là Bộ Chủ của Đại Trí Kim Cương Bộ, chủ về Đức **chiết phục**, có Bản Thệ là **tôi phá tất cả Ma ác**

Kim Cương Thủ (Vajra-pāṇi) được phối trí với chữ **TA** (𑖞) ở phương Nam, biểu thị cho Diệu Đức Nội Chứng của Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva) là **chiết phục và tiêu phá tất cả Ma ác**



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रपाणि

Oṃ namo vajra-pāṇiya_ TA

5_ VẤN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT

Vấn Thù Sư Lợi Bồ Tát, tên Phạn là Maṃjuśrī. Lại xưng là Văn Thù Thi Lợi, Mạn Thù Sư Lợi, Mạn Thù Thất Lợi . Lược xưng là Văn Thù. Trong các Kinh Điển Khác lại có các danh hiệu là: Diệu Đức, Diệu Thủ, Nhu Thủ, Kính Thủ, Diệu Cát Tường...

Vấn Thù Sư Lợi còn gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân, Văn Thù Sư Tử Đồng Bồ Tát, **Nhu Đồng Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī-kumāra-bhūta)

Vấn Thù Sư Lợi Bồ Tát với Phổ Hiền Bồ Tát cùng theo hầu cận Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và được xưng chung là **Thích Ca Tam Thánh**. Do Văn Thù Sư Lợi là bậc Thượng Thủ trong hết thầy Bồ Tát Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nên được gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử. Ngài có hình tượng là cầm cây kiếm ngò trên lưng sư tử biểu thị cho sự sắc bén của Pháp Môn. Tay phải cầm cây kiếm báu Kim Cương chặt đứt tất cả phiền não của chúng sinh, dùng tiếng rống của sư tử không sợ hãi, trấn tĩnh chúng sinh đang bị mê đắm.

Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát được phối trí với chữ **TE** (ྤ) ở góc Tây Nam biểu thị cho Hạnh Trường Dưỡng Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã



Chân Ngôn là:

ཨོཾ མཎའུ་ཤེ་རྣམ་པུ་ཏེ།

Oṃ namo mañjuśrīya_ TE

6_TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ TÁT

Trừ Cái Chướng Bồ Tát, tên Phạn là Sarva-nīvaraṇa-viṣkambhin. Lại xưng là Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Bồ Tát, Giáng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại Bồ Tát, Khí Chư Âm Cái Bồ Tát.

Tôn này được phối trí với chữ **JE** (རྩ) ở phương Tây biểu thị cho việc dùng Nhân của Tâm Tịnh Bồ Đề khiến cho tiêu trừ tất cả phiền não, tất cả chướng ngại



Chân Ngôn là:

ཨོཾ མཎའུ་ཤེ་རྣམ་པུ་ཏེ།

Oṃ namo sarva-nīvaraṇa-viṣkambhinaya_ JE

7_ ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

Địa Tạng Bồ Tát, tên Phạn là Kṣīti-garbha dịch âm là Khất Xoa Đê Nghiệt Bà, nghĩa là đất hoặc Trú Xứ, hoặc hàm tàng (che dấu bên trong).

Địa Tạng Bồ Tát giống như Đại Địa hay nâng chịu tất cả Nghiệp Tội của chúng sinh mà an nhẫn chẳng động, đầy đủ Định Tuệ, hay biết rõ tất cả Bí Tạng.

Địa Tạng là vị Bồ Tát tự thề cứu độ hết chúng sinh trong sáu nẻo thì mới nguyện thành Phật.

Tôn này được phối trí với chữ **HA** (𑖦) ở phương Tây Bắc biểu thị cho Đại Nguyện **Nhẫn Nhục, Tinh Tiến** cứu độ tất cả chúng sinh



Chân Ngôn là:

𑖦𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

Oṃ namo kṣīti-garbhāya_ HA

8_ QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Quán Thế Âm Bồ Tát, tên Phạn Ārya-avalokiteśvara có nghĩa là Thánh Quán Thế Âm với **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta) cùng theo hầu cận Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây và được xưng tên chung là **Tây Phương Tam Thánh**

Quán Tự Tại Bồ Tát đại biểu cho Tâm Đại Bi của tất cả chư Phật, hay lắng nghe âm thanh khổ nạn của tất cả chúng sinh mà cứu độ như con ruột. Ngoài ra Quán Tự Tại Bồ Tát còn đại biểu cho sự giác ngộ Phật Tính viên mãn của mỗi một cá nhân.

Quán Tự Tại Bồ Tát được phối trí với chữ **RA** (𑖓) ở phương Bắc biểu thị cho Hạnh Toàn Thiện Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn chứng ngộ Bồ Đề



Chân Ngôn là:

ॐ नमो अवलोकितेश्वराय ॥

Oṃ namo avalokiteśvarāya_ RA

9_DI LẶC BỒ TÁT

Di Lạc Bồ Tát có tên gọi là **Vô Năng Thắng** (Ajita), hiệu là **Từ Thi** (Maitreya). Ngài là vị Phật thứ năm kế tiếp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, xuất hiện trên trái đất này. Hiện Ngài đang ở cung Trời **Đâu Suất** (Tuṣita) giáo hóa chúng sinh. Do đó Ngài còn được xưng là Nhất Bồ Xứ Bồ Tát, Bồ Xứ Bồ Tát hoặc Di Lạc Như Lai.

Trong đời đời kiếp kiếp Ngài thường tu tập **Từ Tâm Tam Muội**, hành **Từ Hạnh** để cứu độ chúng sinh. Do Đức đặc biệt này mà Ngài có hiệu là **Từ Thi**.

Di Lạc Bồ Tát được phối trí với chữ **HŪM** (ॐ) ở góc Đông Bắc biểu thị cho Hạnh Kết Kim Cương Thân, tức là giai đoạn Nhập Niết Bàn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो मित्रेयाय ॐ

Oṃ namo maitreyāya_ HŪM